

## PHÂN TÍCH ĐỐI CHIẾU MỆNH ĐỀ PHỤ ĐẢM NHIỆM CHỨC NĂNG BỔ NGỮ CỦA ĐỘNG TỪ TRONG TIẾNG PHÁP VÀ TIẾNG VIỆT NHỮNG GIẢI PHÁP CHUYỂN DỊCH

Nguyễn Lân Trung (\*)

### I. Phân tích đối chiếu mệnh đề phụ đảm nhiệm chức năng bổ ngữ của động từ trong tiếng Pháp và tiếng Việt

Một trong những chức năng rất quan trọng mà mệnh đề phụ đảm nhiệm trong cả tiếng Pháp và tiếng Việt, là chức năng làm bổ ngữ của vị từ (ở đây chúng tôi giới hạn chỉ xét làm ví dụ vị từ là động từ). Có nghĩa là nó đảm nhiệm chức năng yếu tố phát triển của một yếu tố cấu thành câu, ở đây là một động ngữ (syntagme verbal) đóng vai trò vị ngữ của câu. Về chức năng mà nói, mệnh đề phụ này, được gọi là bổ ngữ hay tân ngữ, tồn tại tương ứng trong tiếng Pháp và tiếng Việt. Tuy nhiên xét về mặt hình thức, cả hai yếu tố là *từ tiền trợ* (le support) và *từ tạo dẫn* (mot introducteur), hay nói đúng hơn là *phương thức tạo dẫn*, có nhiều khác biệt cần lưu ý.

#### 1.1. Phân tích đối chiếu xét từ góc độ từ tiền trợ

Trong tiếng Pháp, từ tiền trợ làm cơ sở sản sinh ra mệnh đề phụ tân ngữ rất đa dạng, và có thể là các trường hợp sau:

- **Động từ:** Các động từ làm tiền trợ này có thể được chia thành các nhóm nhỏ hơn như sau:

+ Các động từ chỉ sự phát ngôn: *dire, raconter, affirmer...*

- Le petit Pouchet lui **dit** qu'ils étaient de pauvres enfants ... (Ch. Perrault)

+ Các động từ chỉ sự nhận thức: *savoir, comprendre, appréhender ...*

- On **comprenait** mal qu'elle laissât dans l'oisiveté un garçon de vingt ans ... (Radiguet)

+ Các động từ chỉ chính kiến: *penser, croire, estimer ...*

- Je ne **crois** pas que les Russes veulent vraiment la guerre. (attribué par un magazine à De Gaulle)

+ Các động từ chỉ ý muốn: *vouloir, désirer, souhaiter, aimer ...*

- Je **veux**, je **demande**, je **désire**, je **souhaite** qu'on dise la vérité.

+ Các động từ chỉ tình cảm: *craindre, admirer, se réjouir, s'étonner ...*

\* PGS.TS., Phòng Khoa học - Bồi dưỡng, Trường Đại học Ngoại ngữ, ĐHQG Hà Nội.

- Je **crains** qu'elle ne fasse fausse route.

+ Các động từ như sự cảm nhận: *percevoir, voir, entendre ...*

- Tu **vois** que ton devoir est de restes.

+ Các động từ chỉ mệnh lệnh: *ordonner, interdire, empêcher ...*

- J'**interdis** qu'on lui parle.

Còn có thể thêm vào các tiểu loại chỉ các sắc thái nghĩa khác nữa.

- **Ngữ động từ (locution verbale):** *avoir peur que, avoir envie que, être d'avis que, prendre conscience que ...*

- J'**ai peur** qu'il ne soit en retard, aujourd'hui.

- Êtes-vous **d'avis** qu'on l'y autorise ...?

Nhiều tác giả Pháp xếp các trường hợp sau đây vào số các từ tiền trợ cơ sở sản sinh ra mệnh đề phụ tân ngữ.

+ Các ngữ vô nhân xưng

- **Il est bon** que, là-dessus, nous en ayons le coeur net. (Gide)

- **Il faut** que je lui donne une leçon.

- **Il convient** que tu partes.

+ Các ngữ giới thiệu

- Et **voilà** que tu voudrais t'en aller!

- **Il y a** que des gens s'affolent devant la porte.

- **C'est** que le voyage a été annulé à la dernière minute.

Chúng tôi không nhất trí với quan điểm này và cho rằng trong các ví dụ với các ngữ vô nhân xưng, các mệnh đề phụ ở đây thực chất là chủ ngữ tiềm ẩn của câu và bằng một thao tác chuyển đổi cho phép trong tiếng Pháp, đại từ vô nhân xưng "IL" được sử dụng để làm chủ ngữ tường minh. Vậy mệnh đề phụ không thể đảm nhiệm vai trò bổ ngữ (tân ngữ) được. Cũng như vậy trong trường hợp các ngữ giới thiệu, đây là các cấu trúc đặc biệt trong tiếng Pháp mà phân từ hay cụm từ, được sử dụng để tạo dẫn mệnh đề phụ đi sau, chỉ có vai trò nêu lên sự tồn tại của mệnh đề đi sau này, chứ tuyệt nhiên không có mối quan hệ tác thế như một ngoại động từ tác động lên bộ phận tân ngữ đi theo.

Trong tiếng Việt, các từ tiền trợ tạo dẫn mệnh đề phụ tân ngữ hình như còn đa dạng hơn trong tiếng Pháp. Các nhà Việt ngữ thường gộp chúng vào ba tiểu loại chính. Trước hết tiểu loại các động từ tiền trợ được gọi chung là các "động từ cảm nghĩ, nói năng". Thực ra ở đây đã gộp tất cả các tiểu loại động từ mà chúng ta đã đưa ra trong phần trên đối với tiếng Pháp, trong đó có tất cả các loại động từ chỉ sự phát ngôn, nhận thức, chính kiến, ý muốn, tình cảm ...

- Bọn chúng **hiểu** rằng chúng không thể muốn làm gì thì làm.

- Chúng **biết** là chúng sắp khăn gói ra đi.

- Anh ấy **đoán** kế hoạch nhà nước năm nay sẽ được thực hiện vượt mức.

- Hai gia đình đã **cho phép họ yêu nhau**.

- Chúng tôi **chúc các đồng chí mạnh khỏe**.

Bên cạnh các động từ cảm nghĩ, nói năng, trong tiếng Việt còn tồn tại hai loại động từ khác mà cấu trúc sử dụng cho phép coi mệnh đề phụ đi sau đảm nhiệm chức năng bổ ngữ cho động từ. Đó là:

+ Các động từ tiếp thu: *được, bị, chịu ...*

- Có một đêm, anh Tịnh **được Út nhắn về gấp**. (Nguyễn Thi)

- Những tên "thanh niên chiến đấu", sáng sớm tưởng ta rút, mò về, bất thần **bị Út bắt gờ tay**. (Nguyễn Thi)

+ Các động từ điều khiển: làm, cho, làm cho, khiến ...

- Chúng ta học giỏi **làm cho cha mẹ phấn khởi**.

- Tiếng động ấy **khiến cô bé thức giấc**.

Đối chiếu với tiếng Pháp, chúng ta thấy để biểu đạt ý nghĩa của động từ tiếp thu người ta dùng dạng bị động. Chỉ có điều trong trường hợp ấy, chủ ngữ trong mệnh đề phụ trở thành bổ ngữ tác nhân (complément d'agent) và vị ngữ trong mệnh đề phụ hợp cùng với các động từ tiếp thu trong tiếng Việt để làm thành cấu trúc chìm (giải thuyết ngữ nghĩa). Như vậy cái gọi là *động từ tiếp thu* trong tiếng Việt sẽ chỉ là hình vị đánh dấu dạng bị động mà thôi.

- Quân địch bất thần **bị quân ta đánh úp** (cấu trúc nổi).

→ \*- Quân địch bất thần **bị đánh úp** bởi quân ta (cấu trúc chìm).

→ - Les ennemis **ont été** subitement **surpris** par nos soldats.

So sánh với trường hợp các động từ điều khiển của tiếng Việt, tiếng Pháp chủ yếu sử dụng cấu trúc câu đơn, đưa nội dung động từ trong mệnh đề phụ tiếng Việt về làm ngoại động từ. Ngay trong tiếng Việt cũng có phép chuyển đổi tương tự, nhưng không phải các trường hợp đều giống nhau. Giả dụ ta có thể chuyển câu:

- Tiếng động **làm cho cô bé thức giấc**.

Thành câu:

- Tiếng động đã thức giấc cô bé.

Nhưng đối với những động từ khác như *hài lòng* chẳng hạn, chúng ta muốn chuyển nội động từ thành ngoại động từ thì phải thêm trợ động từ *làm*:

- Kết quả đó **khiến mọi người hài lòng**.

→ - Kết quả đó **làm hài lòng** mọi người.

## 1.2. Phân tích đối chiếu xét từ góc độ phương thức tạo dân

Trong tiếng Pháp, các mệnh đề phụ làm bổ ngữ của động từ được dẫn vào câu, đúng ra là vào động ngữ, với bốn dạng cơ bản sau:

+ Tạo dẫn với liên từ *que*

Chúng ta có công thức:

C - \_\_\_\_\_ V  
động từ + que (C - V)

Đây là phương thức tạo dẫn cơ bản nhất để dẫn một mệnh đề phụ làm bổ ngữ cho động từ vào trong động ngữ. Trong tiếng Pháp, các cụm chủ vị không thể kết hợp trực tiếp với từ tiền trợ, mà phải thông qua các từ tạo dẫn, ở đây là liên từ *que*.

- Le conseil ordonne **que** la façade de la Maison Commune sera illuminée sur-le-champ. (A. France)

Trong một số trường hợp, người ta có thể sử dụng các "cụm liên từ" với liên từ *que* làm nòng cốt như: *à ce que, de ce que ...*

- Il s'attend **à ce que** je revienne.

- Il s'étonne **de ce qu'elle** ne soit pas venue.

+ *Tạo dẫn với đại từ quan hệ qui và quiconque*

Các đại từ quan hệ này vừa có vai trò tạo dẫn một mệnh đề phụ làm bổ ngữ của động từ trong mệnh đề chính, vừa có chức năng làm bổ ngữ hoặc chủ ngữ cho động từ trong mệnh đề phụ.

- Choisis **qui** tu veux. (bổ ngữ)

- Aimez **qui** vous aime. (chủ ngữ)

- On pardonne volontiers **à qui** se repent.

- Elle aide **quiconque** la sollicite.

+ *Tạo dẫn với một từ nghi vấn trong câu hỏi gián tiếp*

Các từ nghi vấn này về bản chất có thể khác nhau, ví dụ là một đại từ (*qui, ...*), một tính từ (*quel, ...*), một liên từ (*si, quand, ...*) nhưng cùng có một nhiệm vụ là từ tạo dẫn mệnh đề phụ vào động ngữ trong câu hỏi gián tiếp.

- Dis-moi **qui** tu es, **quel** est ton nom.

+ *Tạo dẫn với cấu trúc nguyên thể*

Trong bốn phương thức tạo dẫn mệnh đề phụ làm bổ ngữ của động từ, duy nhất đây là trường hợp không có từ tạo dẫn. Bổ ngữ của động từ là một mệnh đề đặc biệt, là mệnh đề vì có đủ cả chủ ngữ và vị ngữ, đặc biệt vì động từ được để ở dạng nguyên thể trong cấu trúc kiểu này. Tuy nhiên cả mệnh đề vẫn đảm nhiệm chức năng là bổ ngữ của động từ thuộc mệnh đề chính.

- J'entends **les oiseaux chanter**.

- Le flâneur regarde **couler la rivière**.

Chúng ta nhận thấy động từ tiền trợ để tạo dẫn mệnh đề phụ kiểu này là các động từ cảm nhận (verbes de perception: *apercevoir, écouter, ouïr, regarder, sentir, voir, ...*). Đôi khi mệnh đề phụ vắng mặt chủ ngữ, nhưng chủ ngữ ẩn của mệnh đề phụ tuyệt nhiên không thể trùng với chủ ngữ của mệnh đề chính, vì như vậy mệnh đề phụ không còn tồn tại nữa. Chúng ta phân biệt:

- J'entends **parler autour de moi**.  
(chủ ngữ ẩn)

- J'espère réussir à cet examen.  
(không có mệnh đề phụ)

Một số tác giả xếp các động từ *faire* và *laisser* vào trong số các động từ tiền trợ. Một số khác cho rằng đó là các trợ động từ cấu tạo lên dạng hành cách trong tiếng Pháp.

- Laissez **venir à moi les petits enfants**.

- Ces investissements font **croître son prestige et tomber certaines critiques**.

Trong tiếng Việt, các phương thức tạo dẫn mệnh đề phụ bổ ngữ vào động ngữ cũng không khác biệt lắm so với tiếng Pháp. Chúng ta lưu ý một số điểm sau.

Trước hết, trong khi liên từ *que* là bắt buộc khi mệnh đề phụ không thể kết hợp trực tiếp với động từ của mệnh đề chính thì các kết từ *ràng*, và *là* trong tiếng Việt không phải bao giờ cũng bắt buộc phải có mặt. Đây là một đặc trưng khác biệt rất cơ bản giữa hai thứ tiếng và cũng là một nguồn chuyển di tiêu cực đáng kể đối với người Việt Nam học tiếng Pháp.

- Có thể **nói** (là) **tiếng Việt đã góp một phần xứng đáng trong công cuộc phát triển nền khoa học ở nước ta**.

- Tôi vẫn **hiểu** (ràng) **dân tộc ta là một dân tộc cần cù**.

Chúng ta có cấu trúc:

C -	V	k = là, ràng, Ø
động từ (k) (C - V)		

Chúng ta cũng lưu ý việc sử dụng các kết từ *ràng*, *là* không cố định, có lúc là bắt buộc, có lúc không bắt buộc, hoặc thay nhau hoặc tùy ý. Chúng ta dẫn lại một số ví dụ của Hoàng Trọng Phiến:

+ Bắt buộc: - Bọn chúng hiểu **ràng** chúng không thể muốn làm gì thì làm.

+ Không bắt buộc: - Chúng tôi không biết Ø đó là ánh đèn của tự vệ đi tuần tra.

+ Thay nhau: - Chúng cũng biết **ràng** (là) chúng sắp ra đi.

+ Tùy ý: - Bọn Pháp hiểu rõ (ràng) (là) Việt Nam không còn là thuộc địa của chúng nữa.

Theo ông, trong câu có các động từ với ý nghĩa “nhận thức”, “lý trí” thì bắt buộc phải có *ràng*, *là*, còn trong câu có động từ với ý nghĩa “nhìn”, “thấy” thì không cần các kết từ này. Trong câu có động từ với ý nghĩa “thính giác” thì sự xuất hiện của chúng là tùy ý.

Trường hợp thứ hai với mệnh đề phụ bổ ngữ trong tiếng Pháp được tạo dẫn bởi các đại từ quan hệ *qui* (*ai*), *quiconque* (*bất cứ ai*), thông thường tiếng Việt sử dụng mệnh đề phụ định ngữ để bổ nghĩa cho danh từ làm bổ ngữ đôi thể cho động từ thuộc mệnh đề chính.

- Choisis **qui tu veux**.

+ Hãy lựa chọn người **mà bạn muốn**.

Như chúng ta đã biết, kết từ *mà* trong tiếng Việt trong nhiều chu cảnh là không bắt buộc. Chính vì vậy nếu trong tiếng Pháp các từ *qui*, *quiconque* đảm nhiệm đồng thời cả cương vị đại từ và kết từ, thì trong tiếng Việt danh từ hoặc đại từ trong kết cấu định ngữ đảm nhiệm cả vai trò dẫn dắt mệnh đề phụ.

- Chúng tôi biết **người các bạn mong đợi**. (bổ ngữ)

- Cô ấy giúp **bất cứ ai yêu cầu cô ấy**. (chủ ngữ)

Trường hợp thứ ba với các mệnh đề phụ bổ ngữ của động từ, được tạo dẫn bởi các từ nghi vấn trong câu nghi vấn gián tiếp, tiếng Việt về cơ bản cũng có cùng cấu trúc với tiếng Pháp.

Ta so sánh:

+ Je me demande **pourquoi** ils ne sont pas venus.

- Tôi tự hỏi **tại sao** họ lại không tới.

+ Je ne sais pas **comment** ils ont pu venir.

- Tôi không biết **làm sao** họ đã có thể đến được.

Tuy nhiên, có sự khác biệt căn bản trong việc phân bố các từ để hỏi. Trong tiếng Pháp chuẩn, các từ để hỏi này buộc phải đứng đầu các mệnh đề phụ và làm từ tạo dẫn mệnh đề phụ, còn trong tiếng Việt vị trí của các từ để hỏi không cố định, tùy theo từng từ mà đứng đầu hoặc đứng cuối mệnh đề phụ, hoặc nữa có thể đứng đầu hoặc đứng cuối một cách tùy ý.

a) Đứng đầu mệnh đề phụ (*tại sao, làm thế nào...*)

+ Tôi hỏi chị ấy **tại sao** chị ấy khóc.

- Je lui demande **pourquoi** elle pleure.

+ Tôi không nhớ nổi **làm thế nào** anh ấy đã giết chết được con hổ.

- Je ne me rappelle plus **comment** il a pu tuer le tigre.

b) Đứng cuối mệnh đề phụ (*đâu, ở đâu, nào...*)

+ Tôi rất muốn biết họ đi được **những đâu**.

- J'aimerais savoir **où** ils sont allés.

+ Tôi tự hỏi cô ta thích người **nào hơn**.

- Je me demande **qui** elle préfère.

c) Vị trí trước, sau tùy ý (*khi nào, bao giờ, bao nhiêu ...*)

+ Tôi không biết **khi nào** họ sẽ đến.

- Je ne sais pas **quand** ils viendront.

+ Tôi không biết họ sẽ đến **khi nào**.

+ Tôi muốn biết **bao nhiêu** người không đi làm hôm nay.

- Je voudrais savoir **combien de personnes** ne sont pas présents au travail aujourd'hui.

+ Tôi muốn biết giá quyển sách này là **bao nhiêu**.

- Je voudrais savoir **quel** est le prix de ce livre.

Cuối cùng là trường hợp mệnh đề phụ nguyên thể trong tiếng Pháp. Vì trong tiếng Việt động từ không biến hình khi được đưa vào giao tiếp nên khái niệm động từ nguyên thể không tồn tại. Để nhận biết một mệnh đề phụ làm bổ ngữ cho động từ có dạng tương tự với mệnh đề phụ nguyên thể trong tiếng Pháp, có nghĩa không phải là một mệnh đề phụ bổ ngữ mà động từ trong mệnh đề chính có quan hệ tổng thể với mệnh đề phụ, mà chỉ có động từ trong mệnh đề phụ có quan hệ ngữ nghĩa trực tiếp tới động từ trong mệnh đề chính, chúng ta lưu ý sự có mặt của động từ cảm nhận.

Trong hai ví dụ sau:

- Tôi **hy vọng** đám khói bốc lên cao.

- Tôi **nhìn** đám khói bốc lên cao.



Cả hai câu đều có chứa mệnh đề phụ bổ ngữ của động từ trong mệnh đề chính, nhưng trong trường hợp thứ nhất chúng ta không có câu tương tự với câu nguyên thể trong tiếng Pháp vì động từ trong mệnh đề chính không phải là động từ cảm nhận như trong câu thứ hai. Vậy khi chuyển dịch sang tiếng Pháp, câu thứ nhất phải sử dụng liên từ *que*, còn trong câu thứ hai phải dùng mệnh đề phụ nguyên thể, vì *nhin* là một động từ cảm nhận. Ta có các câu chuyển dịch:

- **J'espère** que la fumée s'élève.

- **Je regarde** la fumée s'élever.

## II. Các giải pháp chuyển dịch mệnh đề phụ đảm nhiệm chức năng bổ ngữ của động từ

Qua phân tích đối chiếu các mệnh đề phụ đảm nhiệm chức năng bổ ngữ của động từ trong tiếng Pháp và tiếng Việt, chúng ta thấy các vấn đề nảy sinh tập trung vào *phương thức tạo dẫn* mệnh đề phụ bổ ngữ của động từ, mà cụ thể là vào hai yếu tố *từ tiền trợ* và *từ tạo dẫn*. Chúng tôi cũng sẽ dựa vào sự khác biệt giữa hai yếu tố này để đề xuất các giải pháp chuyển dịch khác nhau.

### 2.1. Các giải pháp chuyển dịch mệnh đề phụ bổ ngữ của động từ xét từ góc độ từ tiền trợ

Ngoài loại từ tiền trợ chung cho cả tiếng Pháp và tiếng Việt để làm cơ sở sản sinh mệnh đề phụ tân ngữ là các động từ, trong tiếng Pháp còn có các phương thức

tiền trợ đặc thù là các *ngữ động từ* và các *ngữ vô nhân xưng*, còn trong tiếng Việt thì có các loại *động từ tiếp thụ* và *động từ điều khiển*.

Về các loại động từ và ngữ động từ làm cơ sở sản sinh mệnh đề phụ tân ngữ, chúng ta thấy có sự tương đồng tương đối giữa tiếng Pháp và tiếng Việt, cho dù cách phân chia các tiểu loại giữa hai ngôn ngữ không phải lúc nào cũng đồng nhất. Điều chúng ta cần lưu ý là trong tiếng Pháp tùy thuộc vào từng tiểu loại động từ cụ thể mà động từ trong mệnh đề phụ được chia ở các thời thể khác nhau. Ví dụ, đi sau các động từ thuộc tiểu loại chỉ *ý muốn* hay *tình cảm*, các động từ trong mệnh đề phụ phải được chia ở *thể chủ quan*.

+ Tôi **sợ** rằng hôm nay anh ấy sẽ đến muộn.

- J'ai **peur** qu'il ne **soit** en retard aujourd'hui.

+ Tôi **mong** mọi người nói ra sự thật.

- Je **souhaite** qu'on **dise** la vérité.

Mặt khác, sự thay đổi thời thể của bản thân động từ trong mệnh đề chính cũng kéo theo sự thay đổi tương ứng của cách chia động từ trong mệnh đề phụ. Đặc biệt là những thay đổi khi ta chuyển từ lối nói trực tiếp sang lối nói gián tiếp.

+ Cô ấy **nói** với tôi rằng cô ấy **sẽ cho** tôi **mượn** chiếc xe.

- Elle me **dit** qu'elle me **prêtera** sa voiture.





Với cấu trúc: đại từ II + động từ + que  
vô nhân xưng + vô nhân xưng

Các tình huống xảy ra hết sức đa dạng, nhìn chung không có một cách chuyển dịch nhất quán duy nhất nào, mà tùy vào nghĩa của các động từ vô nhân xưng mà chúng ta có các cách chuyển dịch khác nhau. Một số

- Il **faut** qu'elle vienne.
- Il **convient** que chacun fasse son effort.
- Mệnh đề phụ + trợ động từ **là** + tính từ + danh từ
- Il **faut** qu'elle parte.
- Ngữ vô nhân xưng + mệnh đề phụ
- Il **semble** qu'il fasse plus chaud aujourd'hui.

Ngược lại với tiếng Pháp, việc sử dụng các *động từ tiếp thụ* và *động từ điều khiển* tiền trợ trong tiếng Việt gây nhiều khó khăn khi chuyển dịch giữa hai ngôn ngữ.

Như đã phân tích ở phần trên, động từ tiếp thụ trong tiếng Việt có thể đơn giản được coi là hình vị đánh dấu dạng bị động mà một quy tắc chuyển đổi cho phép đảo chủ ngữ tác nhân lên trên động từ, và đứng sau hình vị bị động này. Chúng ta so sánh:

- Bọn thực dân bóc lột người bản xứ.

- Bọn thực dân bóc lột.  
 - Người dân bản xứ **bị** bóc lột.  
 - Người dân bản xứ **bị** **bọn thực dân** bóc lột.

(\*Người dân bản xứ **bị** bóc lột **bởi** bọn thực dân.)

cấu trúc chuyển dịch với động từ vô nhân xưng tiền trợ:

- Câu đơn có động từ nhân xưng tương ứng

- - Cô ấy **cần phải (nên)** đến.
- - Mỗi người **nên** cố một chút.
- - Cô ấy ra đi là **cần thiết**.
- - Cô ấy ra đi là **điều cần thiết**
- **Hình như** hôm nay trời nóng hơn.

Như vậy, nếu coi **bị, được, chịu** là các động từ tiếp thụ và cụm chủ vị đi sau (bọn thực dân bóc lột) là một mệnh đề phụ thì khi chuyển dịch ra tiếng Pháp, chúng ta đi ngược lại từ các cấu trúc nổi (... bị bọn thực dân bóc lột) sang cấu trúc chìm - cấu trúc ngữ nghĩa (... bị bóc lột bởi bọn thực dân), chúng ta có một cấu trúc bị động tiếng Pháp hoàn chỉnh.

- Quân địch bắt thân **bị** quân ta đánh úp.

→ - \* Quân địch bắt thân bị đánh úp bởi quân ta.

→ - Les ennemis **ont été** subitement **surpris** par nos soldats.

- Đề án **được** mọi người ủng hộ.

→ - \* Đề án được ủng hộ bởi mọi người.

→ - Le projet **a été soutenu** par tout le monde.

Đối với các động từ điều khiển trong tiếng Việt-khiến, làm (cho), gây (cho) - tiếng Pháp sử dụng hai phương thức cơ bản để biểu đạt: sử dụng cấu trúc tương đương với trợ động từ "faire", hoặc biến nội động từ trong mệnh đề phụ thành ngoại động từ và khi đó không còn mệnh đề chính phụ nữa.

Ví dụ, chúng ta có câu:

- Tiếng động ấy **khiến** cô bé thức giấc

Chúng ta có thể dùng cấu trúc với động từ "faire":

- Ce bruit **a fait** que la petite fille se réveillait.

Tuy nhiên, thông thường chúng ta sẽ chuyển cấu trúc này trở về cấu trúc với ngoại động từ hiện đang là nội động từ trong mệnh đề phụ:

- Tiếng động ấy **đã thức** giấc cô bé.

→ - Ce bruit **a réveillé** la petite fille.

Một số ví dụ khác:

- Những lời chỉ trích đó **làm cho** ông giám đốc khó chịu.

→ - Ces critiques **ont gêné** le Directeur.

- Kết quả học tập **làm** cả lớp thất vọng.

→ - Les résultats obtenus dans les études **ont déçu** toute la classe.

Bên cạnh đó tồn tại một phương thức thứ ba trong tiếng Pháp là dùng cấu trúc có tính từ đi với động từ *rendre*, với điều kiện vị ngữ trong mệnh đề phụ có nhiều khả năng được biểu đạt bởi một tính từ.

- Những bức thư từ Paris **làm cho** cả nhà phấn khởi.

→ - Ces lettres de Paris **ont rendu** toute la famille **heureuse**.

- Những hiệp định vừa ký kết **làm** phía đối lập rất lo lắng.

→ - Les accords récemment conclus **ont rendu** l'Opposition **bien soucieuse**.

## 2.2. Các giải pháp chuyển dịch mệnh đề phụ bổ ngữ của động từ xét từ góc độ từ tạo dẫn

Về phương diện từ tạo dẫn, trước hết chúng ta xét liên từ *que* và các dạng ghép với *que* như *à ce que*, *de ce que*... Về nguyên tắc, khi chuyển dịch sang tiếng Việt, các liên từ này được thay thế bằng các kết từ *rằng*, *là*. Tuy vậy, điều khác biệt cơ bản là nếu cụm chủ vị trong tiếng Pháp không thể kết hợp trực tiếp với từ tiền trợ thì trong tiếng Việt việc vắng mặt các kết từ này là rất thông dụng. Ta có:

- que, de ce que, à ce que, pour ce que, ...

+ Ø, *rằng*, *là* ...

- Je comprends **qu'elle** était très malheureuse.

+ Tôi hiểu (**rằng, là**) cô ấy đã rất bất hạnh.

- Je veux qu'il reste.

+ Tôi muốn (**rằng, là**) anh ấy ở lại.

Tuy vậy, có những trường hợp không dễ gì thêm **rằng, là** vào:

- Il s'attend à **ce que** je revienne.

+ Anh ấy chờ đợi Ø tôi trở lại.

Và ngược lại cũng có những trường hợp khó lòng lược bỏ các kết từ này đi được:

- Il s'étonne **de ce qu'elle** ne soit pas venue.

+ Anh ấy ngạc nhiên **là** cô ta đã không đến.

Đối với các dạng ghép của kết từ *que*, cũng có khi tiếng Việt sử dụng mệnh đề phụ định ngữ hay đúng hơn là đồng vị ngữ đi với danh từ *điều, việc, cái*: một điều (là), về điều (là), cho cái mà, vì cái (là), vào việc (là) ...

- La concurrence contribue à **ce que** les prix baissent sans cesse.

+ Sự cạnh tranh góp phần vào **việc** (là) giá cả giảm đi không ngừng.

Đối với các từ tạo dẫn là đại từ quan hệ *qui, quiconque*, đóng vai trò kép vừa tạo dẫn một mệnh đề phụ bổ ngữ của động từ thuộc mệnh đề chính vừa làm chủ ngữ hay bổ ngữ của động từ trong mệnh đề phụ, chúng ta chia thành hai trường hợp: Khi đại từ quan hệ là chủ ngữ thì ta không đưa kết từ *mà* vào được, còn khi là bổ ngữ của

động từ thì thông thường kết từ *mà* có thể có mặt khi chuyển dịch:

- Aimez **qui** vous aime.

+ Hãy yêu **người** yêu anh.

- Aimez **qui** vous aimez.

+ Hãy yêu **người (mà)** anh yêu.

Bây giờ chúng ta xét đến các từ tạo dẫn mệnh đề phụ trong câu hỏi nghi vấn gián tiếp.

Trước hết, cần chú ý rằng không phải động từ nào cũng có thể tạo dẫn một mệnh đề phụ nghi vấn. Trong cả tiếng Pháp và tiếng Việt, đó phải là các động từ có nghĩa nghi vấn, nói chính xác hơn là nó ngầm đặt ra một câu hỏi. Ví dụ các động từ trong tiếng Pháp: *ne pas savoir, ignorer, (se) demander, chercher, examiner, ...* Ngoài ra một số động từ tường thuật (verbes déclaratifs) mà cảnh huống cho phép giả định một câu hỏi. Ví dụ các động từ trong tiếng Pháp: *savoir, voir, comprendre, se rappeler, ...*

- Je me rappelle encore **de quel accent** sa mère vous disait.

- Tôi còn nhớ rõ mẹ cô ấy đã nói với anh bằng cái giọng như thế nào.

- Il suffit de voir **quelle tête** il fait.

+ Chỉ cần thấy nó làm bộ như thế nào.

Như vậy, khi chuyển dịch giữa hai thứ tiếng, chúng ta cần xác định được trong ngôn ngữ “đi” cảnh huống nghi vấn để “lắp đặt” một cấu trúc nghi vấn tương đương

trong ngôn ngữ “đến”. Việc chuyển dịch không đặt nhiều khó khăn, nhưng điểm mấu chốt chính là phát hiện ra cảnh huống nghi vấn gián tiếp với sự có mặt của một số động từ giả định nghi vấn.

Trở lại với các từ tạo dẫn mệnh đề phụ, ta thấy các từ nghi vấn trong câu hỏi gián tiếp tiếng Pháp là tương đối đa dạng, đòi hỏi phải có cách xử lý chuyển dịch riêng với từng trường hợp.

Đối với liên từ *si* (chuyển đổi từ một câu hỏi tổng thể-la question totale-trực tiếp sang câu hỏi gián tiếp), ta có cấu trúc:

*Tiếng Pháp*: - mệnh đề chính + *si* + mệnh đề phụ (nghi vấn)

*Tiếng Việt*: - mệnh đề chính + (*xem, rằng, là, liệu ...*) + mệnh đề phụ + *không* (từ nghi vấn)

Trong đó, các từ tạo dẫn không phải lúc nào cũng bắt buộc phải có mặt, và đôi khi kết hợp với từ *có* để nhấn mạnh ý nghĩa nghi vấn.

- Je voudrais savoir si elle a bien fait son devoir.

<i>trực tiếp</i>	
- qu'est-ce qui	→
- que hoặc qu'est-ce que	→

- Il m'a demandé: "**Qu'est-ce qui** est intéressant et **qu'est-ce que** tu préfères?"

+ Il m'a demandé ce qui était intéressant et ce que je préférais.

+ Tôi muốn biết (xem) cô ấy (có) làm bài tốt không.

- Il se demande si sa femme l'aime encore.

+ Anh ấy tự hỏi liệu vợ mình còn yêu mình nữa không.

Đối với các trạng từ nghi vấn khác (chuyển đổi từ một câu hỏi thành phần-la question partielle-trực tiếp sang câu hỏi gián tiếp), ta có cấu trúc:

*Tiếng Pháp*: - mệnh đề chính + *từ nghi vấn* + mệnh đề phụ (nghi vấn)

*Tiếng Việt*: - mệnh đề chính + *từ nghi vấn* + mệnh đề phụ (nghi vấn)

Hoặc: - mệnh đề chính + mệnh đề phụ (nghi vấn) + *từ nghi vấn*

Cụ thể đi vào từng trường hợp một, khi chuyển dịch chúng ta cần lưu ý một số điểm sau:

Trước hết, các từ nghi vấn gián tiếp trong tiếng Pháp chính là các từ nghi vấn trực tiếp tương đương chuyển sang, trừ trong trường hợp:

*gián tiếp*

- ce qui

- ce que

Tuy nhiên, khi chuyển dịch sang tiếng Việt, không có gì thay đổi lớn giữa lối nói trực tiếp và lối nói gián tiếp.

Thứ hai, về nguyên tắc, tất cả các từ tạo dẫn trong tiếng Pháp đều có vị trí cố định là đi sau mệnh đề chính và đứng đầu mệnh đề phụ. Tuy nhiên trong giao tiếp, đặc biệt là trong những trường hợp tu từ đặc biệt, người ta có thể đặt từ nghi vấn tạo dẫn xuống sau mệnh đề phụ. Trường hợp này cũng chỉ là cá biệt.

- Je voudrais savoir **quand** ils viendront.

→ - Je voudrais savoir ils viendront **quand**.

Vì vậy, bất luận câu nghi vấn gián tiếp trong tiếng Việt như thế nào, khi chuyển dịch chúng ta cũng đặt từ nghi vấn tạo dẫn sau mệnh đề chính và đứng đầu mệnh đề phụ.

- Tôi muốn biết anh ấy đã sống ở Paris **như thế nào**.

+ Je voudrais savoir **comment** il vivait à Paris.

- Tôi muốn biết **làm thế nào** cô ấy kiếm được những từng ấy tiền.

+ Je voudrais savoir **comment** elle a pu gagner tant d'argent.

Thứ ba, về vị trí của các từ nghi vấn tạo dẫn mệnh đề phụ trong tiếng Việt, khi chuyển dịch chúng ta lưu ý:

- Khi chuyển dịch trạng từ *pourquoi*, về nguyên tắc từ tương đương được đặt ở đầu mệnh đề phụ trong tiếng Việt.

- Khi chuyển dịch trạng từ chỉ địa điểm *où*, về nguyên tắc từ tương đương được đặt ở cuối mệnh đề phụ trong tiếng Việt.

- Khi chuyển dịch các trạng từ, đại từ và tính từ nghi vấn tạo dẫn khác, các từ tương đương trong tiếng Việt có thể được đặt ở đầu hoặc ở cuối mệnh đề phụ, tùy thuộc vào cảnh huống cụ thể.

- Je voudrais savoir **pourquoi** elle est partie.

+ Tôi muốn biết **tại sao** cô ấy bỏ đi.

- Je voudrais savoir **où** tu es allé.

+ Tôi muốn biết **anh đã đi đâu**.

- Je voudrais savoir **quand** tu viendras.

{ + Tôi muốn biết **anh đến khi nào**.  
+ Tôi muốn biết **khi nào** anh đến.

Bây giờ chúng ta xét các phương thức chuyển dịch cụ thể của các từ tạo dẫn.

- Trạng từ **quand**

+ *khi nào, bao giờ, chừng nào, tới khi nào, tới bao giờ, tới chừng nào ...*

- Trạng từ **comment**

+ *làm sao, như thế nào, bằng gì ...*

- Trạng từ **combien**

+ *Bao, bao nhiêu, ...*

- Trạng từ **pourquoi**

+ *Sao, tại sao, vì sao, ...*

*vì cơ gì, nguyên nhân, ...*

- Trạng từ **où**
- + *Đâu, ở đâu, ở chỗ nào, ...*
- Tính từ **quel**
- + *Nào, gì, ...*
- Đại từ **qui**
- + *Ai, người nào, ...*
- Đại từ **ce qui**
- + *Cái mà, điều mà, điều gì, ...*
- Đại từ **ce que**
- + *Cái mà, những gì, những cái, ...*
- Je voudrais savoir **quand** elle va déménager.
- + Tôi muốn biết **khi nào** cô ấy chuyển nhà.
- Je voudrais savoir **comment** elle vivait.
- + Tôi muốn biết cô ấy sống **thế nào**.
- Je voudrais savoir **combien** elle pèse.
- + Tôi muốn biết cô ấy cân nặng **bao nhiêu**.
- Je voudrais savoir **combien de livres** elle a écrits.
- + Tôi muốn biết cô ấy đã viết **bao nhiêu cuốn sách**.
- Je voudrais savoir **pourquoi** elle est partie.
- + Tôi muốn biết **tại sao** cô ấy ra đi.

- Je voudrais savoir **où** elle est allée.
  - + Tôi muốn biết cô ấy đi **đâu**.
  - Je voudrais savoir **quel** était l'homme de sa vie.
  - + Tôi muốn biết **người nào** là bạn đời của cô ấy.
  - Je voudrais savoir **quel jour** elle a choisi.
  - + Tôi muốn **biết** cô ấy đã chọn **ngày nào**.
  - Je voudrais savoir **qui** elle aimait.
  - + Tôi muốn biết cô ấy đã yêu **ai**.
  - Je voudrais savoir **ce qui** lui est arrivé.
  - + Tôi muốn biết **điều gì** đã xảy ra với cô ấy.
  - Je voudrais savoir **ce qu'**elle avait fait.
  - + Tôi muốn biết cô ấy đã làm **những điều gì**.
- Về trật tự từ trong mệnh đề, về nguyên tắc, chúng cũng tuân thủ trật tự từ trong các mệnh đề phụ khác, duy chỉ có đảo chủ ngữ trong trường hợp đại từ hay tính từ nghi vấn có chức năng thuộc ngữ (attribut). Trong tiếng Việt trật tự từ không thay đổi ngay cả trong trường hợp này.
- Tôi muốn biết người đàn ông mà cô ấy thường đưa về nhà là **ai**.
  - Je voudrais savoir **quel** était l'homme que souvent elle avait amené chez elle.



Về trật tự mệnh đề trong câu, thông thường mệnh đề phụ nghi vấn đi sau mệnh đề chính. Tuy nhiên, cũng có trường hợp mệnh đề phụ đứng trước mệnh đề chính, khi đó người ta cần sử dụng một đại từ nhắc lại trong mệnh đề phụ.

- **Ses projets commerciaux se mêlaient-ils aux miens, je n'en sais rien.**

+ **Những dự án thương mại của cô ấy có liên quan đến những dự án của tôi không, tôi đâu được biết.**

Tìm kiếm các giải pháp hợp lý để chuyển các cấu trúc có mệnh đề phụ đảm nhiệm chức năng bổ ngữ của động từ trong tiếng Pháp và tiếng Việt là một vấn đề lý thú nhưng cũng không ít khó khăn. Hy vọng một số suy nghĩ của chúng tôi sẽ giúp thêm phần hữu ích cho việc nghiên cứu ngữ pháp tiếng Việt và việc dạy tiếng Pháp cho người Việt Nam. Chúng tôi mong muốn nhận được thêm các ý kiến chỉ giáo của đồng đảo các nhà nghiên cứu và đồng nghiệp.

#### TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Diệp Quang Ban, *Ngữ pháp tiếng Việt*, tập II, Hà Nội, NXB Giáo dục, 1998.
2. Hữu Đạt, Trần Trí Dõi, Đào Thanh Lan, *Cơ sở tiếng Việt*, Hà Nội, NXB Giáo dục, 1998.
3. Nguyễn Kim Thành, *Nghiên cứu về ngữ pháp tiếng Việt*, tập II, Hà Nội, NXB Khoa học Xã hội, 1964.
4. Nguyễn Minh Thuyết, Thử giải đáp hai vấn đề cơ bản về thành phần câu, In trong Lưu Văn Lăng (Chủ biên), *Những vấn đề ngữ pháp tiếng Việt hiện đại*, Hà Nội, NXB Khoa học Xã hội, 1994.
5. Ủy ban Khoa học Xã hội, *Ngữ pháp tiếng Việt*, Hà Nội, NXB Khoa học Xã hội, 1983.
6. Dubois, Jean - Lagane, René., *Grammaire Larousse*, Paris, 1995.
7. Grévisse, Maurice., *Peescis de grammaire français*, Paris, 1993.
8. Pougeoise, Michel., *Dictionnaire de grammaire et des difficultés grammaticales*, Paris, 1998.
9. Steinberg, Nicolas., *français*, Paris, 1972.

**A CONTRASTIVE ANALYSIS OF ONE TYPE OF SUBORDINATE CLAUSE AS  
VERB COMPLEMENTATION IN FRENCH AND VIETNAMESE.  
INTERPRELATION TECHNIQUES**

**Assoc.Prof.Dr. Nguyen Lan Trung**

*Scientific Research Management Office  
College of Foreign Languages - VNU*

This article is focused on contrastive analysis of one common type of subordinate clause as verb complementation in French and Vietnamese.

The analysis made on auxiliaries, introductory markers (conjuncts) as well as possible ways of complementing, which serves as a classificatory basis for such dependent clauses.

On the basis of the results gained, the author has boldly offered some possible suggestions for the translation of this type of dependent clause pattern from French into Vietnamese and vice versa. These suggested translation techniques are only of minor status but they prove to be of great methodological value in language teaching, especially for foreign learners of Vietnamese and Vietnamese learners of French.